

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 607/2022/DS-ST

Ngày: 27-12-2022

V/v Tranh chấp xác định phần
quyền sở hữu trong khối tài sản
chung để thi hành án

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2620/2018/TLST-DS ngày 09/10/2018 về việc “Tranh chấp xác định phần quyền sở hữu trong khối tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 532/2022/QĐXXST-DS ngày 04/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 437/2022/QĐST-DS ngày 29/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thùy T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Phường C, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Phường C, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1962

Địa chỉ: Xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1982

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1983

3/ Bà Nguyễn Huỳnh Kim T, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Thuỳ T và người đại diện theo uỷ quyền ông Đặng Văn T trình bày:

Tại Bản án số 1113/2016/DS-ST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên: "...Bà Huỳnh Thị S có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Thuỳ T số tiền nợ gốc là 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi là 62.549.499 đồng (Sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng), tổng cộng là 228.549.499 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng)...."

Ngày 02/02/2017, ông Đặng Văn T là người đại diện theo uỷ quyền của bà Đặng Thị Thuỳ T đã có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 10/02/2017, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định về việc uỷ thác thi hành án số 1912/QĐ-CTHADS gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/02/2017, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đã ký quyết định thi hành số 1110/QĐ-CCTHADS để thi hành các khoản nêu trên theo Bản án số 1113/2016/DS-ST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, bà Đặng Thị Thuỳ T yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để đảm bảo thi hành án của bà Huỳnh Thị S là phần nhà và đất diện tích 88,5 m² thuộc thửa 721 tờ bản đồ số 1 xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liền với đất số BB 073655 (số vào sổ cấp GCN CH 0152) do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ngày 26/03/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1962, địa chỉ: A4/33 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Công K)

Tại Bản tự khai ngày 29/5/2019, bị đơn bà Huỳnh Thị S trình bày:

Theo Bản án số 1113/2016/DS-ST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên: "...Bà Huỳnh Thị S có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Thuỳ T số tiền nợ gốc là 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi là 62.549.499 đồng (Sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng), tổng cộng là 228.549.499 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng)....". Bà S đồng ý trả số tiền trên. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Phần nhà và đất diện tích 88,5 m² thuộc thửa 721 tờ bản đồ số 1 xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liền với đất số BB 073655 (số vào sổ cấp GCN CH 0152) do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ngày 26/03/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị S có nguồn gốc là tài chung của bà S và chồng là ông Nguyễn Công K, ông K và bà chung sống từ năm 1982, không đăng ký kết hôn. Có ba người con chung gồm Nguyễn Thanh L, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1983, Nguyễn Huỳnh Kim T, sinh năm 1993. Năm 1998, ông Nguyễn Công K, cha mẹ của ông K cũng đã chết. Phần tài sản chung, bà S được 1/2 diện tích đất, 1/2 diện tích đất còn lại bà S được 1/4, về diện tích nhà, bà được 1/2 diện tích nhà, 1/2 diện tích còn lại bà S được hưởng 1/4. Tổng giá trị bà Huỳnh Thị S được hưởng, đối với diện tích đất là 5/8 diện tích, diện tích nhà là 5/8 diện tích .

Toà án đã Tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Triệu tập đến Toà án làm bản tự khai, kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và tham gia phiên họp lệ, bị đơn bà Huỳnh Thị S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng X, bà Nguyễn Huỳnh Kim T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Ông Đặng Văn T là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị Thuỳ T trình bày: Bà Đặng Thị Thuỳ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để đảm bảo thi hành án đối với bà Huỳnh Thị S là phần nhà và đất diện tích 88,5 m² thuộc thửa 721 tờ bản đồ số 1 xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liền với đất số BB 073655 (số vào sổ cấp GCN CH 0152) do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ngày 26/03/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1962, địa chỉ: A4/33 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Công K)

Bị đơn bà Huỳnh Thị S có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng X, bà Nguyễn Huỳnh Kim T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham dự phiên tòa bà Nguyễn Thị Thuỳ Hiền, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, bà Đặng Thị Thuỳ T yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để đảm bảo thi hành án của bà Huỳnh Thị S là phần nhà và đất diện tích 88,5 m² thuộc thửa 721 tờ bản đồ số 1 xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liền với đất số BB 073655 (số vào sổ cấp GCN CH 0152) do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ngày 26/03/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1962, địa chỉ: A4/33 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Công K). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thuỳ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đặng Thị Thuỳ T khởi kiện tranh chấp xác định phần quyền sở hữu trong khối tài sản chung để thi hành án đối với bị đơn bà Huỳnh Thị S. Các tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 12 Điều 26

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bất động sản liên quan đến tranh chấp tọa lạc tại huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định khoản 1 Điều 36; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn T có mặt; Bị đơn bà Huỳnh Thị S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng X, bà Nguyễn Huỳnh Kim T triệu tập tham gia phiên toà họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn T khai rằng phần đất có diện tích $88,5 \text{ m}^2$ và phần nhà được công nhận $50,3 \text{ m}^2$ và phần nhà không được công nhận diện tích $10,1 \text{ m}^2$ thuộc thửa 721 tờ bản đồ số 1 xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liên với đất số BB 073655 (số vào sổ cấp GCN CH 0152) do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ngày 26/03/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1962, địa chỉ: A4/33 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Công K) là tài sản chung của bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Công K, ông Nguyễn Công K đã chết năm 1998. Những người thừa kế của ông Nguyễn Công K gồm có bà Huỳnh Thị S, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng X, bà Nguyễn Huỳnh Kim T. Do đó, phần sở hữu và phần sử dụng của bà Huỳnh Thị S, đối với diện tích đất là $5/8$ diện tích. Phần diện tích cụ thể mà bà Huỳnh Thị S được sử dụng là $88,5 \text{ m}^2 \times 5/8 = 55,125 \text{ m}^2$, diện tích nhà là $5/8$ diện tích. Phần diện tích cụ thể mà bà Huỳnh Thị S được sở hữu đối với phần diện tích nhà được công nhận diện tích là $50,3 \text{ m}^2 \times 5/8 = 31,4375 \text{ m}^2$, phần diện tích nhà không được công nhận nhưng bà Huỳnh Thị S được sử dụng là $10,1 \text{ m}^2 \times 5/8 = 6,3125 \text{ m}^2$.

[4.2] Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, thấy rằng:

Phần đất diện tích $88,5 \text{ m}^2$ thuộc thửa 721 tờ bản đồ số 1 xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của ông Trần Văn Minh cho bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Công K ngày 01/4/1985. Cũng trong năm 1985, ông K và bà S có cất 01 căn nhà diện tích 60 m^2 . Nhà và đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở. Ngày 06/5/1998, ông Nguyễn Công K chết. Đến năm 2003, căn nhà dột nát không thể ở được nữa nên bà Huỳnh Thị S đã sửa chữa lại căn nhà. Do xây dựng nhà không có xin phép nên đã UBND xã Lê Minh Xuân xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây. Năm 2009, bà Huỳnh Thị S là thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liên với đất số BB 073655 (số vào sổ cấp GCN CH 0152) do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 26/03/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1962, địa chỉ: A4/33 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Công K). Phần diện tích cụ thể được công nhận như sau: Thửa đất số 721, tờ bản đồ số

1, địa chỉ xã L, huyện B; diện tích: 88,5 m²; mục đích sử dụng: đất ở nông thôn; thời hạn sử dụng: lâu dài. Nhà ở: Địa chỉ: A4/33 Ấp 1, xã L, huyện B; diện tích xây dựng: 50,3 m²; diện tích sàn: 50,3 m²; kết cấu: Vách gạch, cột gạch, mái tôn; cấp 4, số tầng: 1.

[4.3] Căn cứ vào lời khai của bà Huỳnh Thị S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Công K sống chung năm 1982, không đăng ký kết hôn, có 03 người con chung gồm: Nguyễn Thanh L, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1983, Nguyễn Huỳnh Kim T, sinh năm 1993. Ngày 06/5/1998, ông Nguyễn Công K chết theo Giấy chứng tử số 29, quyền số 01/98 ngày 14/5/1998.

[5] Ngày 20/6/2019, Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và chứng kiến việc đo vẽ tài sản tranh chấp. Tuy nhiên bà Huỳnh Thị S ngăn cản không cho tiến hành đo vẽ. Do đó, Toà án nhân dân huyện Bình Chánh căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liền với đất số BB 073655 (số vào sổ cấp GCN CH 0152) do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 26/03/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị S và bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Chánh cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

[6] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Từ những căn cứ trên, Căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Bộ luật dân sự năm 1995; Luật đất đai năm 1993, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định phần sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trong khối tài sản chung của bà Huỳnh Thị S.

[7.1] Về tài sản chung của ông Nguyễn Công K và bà Huỳnh Thị S là quyền sử dụng đất diện tích 88,5 m², quyền sở hữu nhà ở được công nhận là 50,3 m², phần nhà không được công nhận là 10,1 m² thuộc thửa 721 tờ bản đồ số 1 xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tại địa chỉ: A4/33 Ấp 1, xã L, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liền với đất số BB 073655 (số vào sổ cấp GCN CH 0152) do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 26/03/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1962, địa chỉ: A4/33 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Công K).

[7.2] Về hàng thừa kế nhất của ông Nguyễn Công K gồm có: ông Nguyễn Ven B (cha, chết trước ông K), bà Nguyễn Thị H (mẹ, chết trước ông K), bà Huỳnh Thị S (vợ ông K), Nguyễn Thanh L (con ông K), Nguyễn Thị Hồng X (con ông K), Nguyễn Huỳnh Kim T (con ông K),

[7.3] Việc xác định quyền sử dụng đất, phần sở hữu trong khối tài sản chung của bà Huỳnh Thị S cụ thể là:

[7.3.1] Về quyền sử dụng đất: Bà Huỳnh Thị S được quyền sử dụng đất là 55,125 m² (tương đương 5/8 của diện tích đất 88,5 m²). Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng, bà Nguyễn Huỳnh Kim T, mỗi người được quyền sử dụng đất là 11,025 m² thuộc thửa đất số 721, tờ bản đồ số 1, địa chỉ xã L, huyện B;

[7.3.2] Về quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ: A4/33 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 721, tờ bản đồ số 1, địa chỉ xã L, huyện B:

[7.3.2.1] Đối với phần diện tích nhà ở được công nhận với diện tích là 50,3 m², bà Huỳnh Thị S được công nhận quyền sở hữu là 31,4375 m² (tương đương 5/8 của diện tích nhà được công nhận là 50,3 m²). Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng X, bà Nguyễn Huỳnh Kim T, mỗi người được công nhận quyền sở hữu là 6,2875 m².

[7.3.2.2] Đối với phần diện tích nhà ở được không được công nhận, bà Huỳnh Thị S được quyền sử dụng là 6,3125 m² (tương đương 5/8 của diện tích nhà không được công nhận là 10,1 m²). Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng X, bà Nguyễn Huỳnh Kim T, mỗi người được quyền sử dụng là 1,2625 m².

[8] Về chi phí tố tụng: nguyên đơn bà Đặng Thủy T tự nguyện chịu nên Toà án không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Hoàn lại tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Đặng Thị Thủy T theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 12 Điều 26, khoản 1 Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 1995; Luật đất đai năm 1993, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thủy T về việc yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trong khối tài sản chung đối với bị đơn bà Huỳnh Thị S.

Về tài sản chung của ông Nguyễn Công K và bà Huỳnh Thị S là quyền sử dụng đất diện tích 88,5 m², quyền sở hữu nhà ở được công nhận là 50,3 m², phần nhà không được công nhận là 10,1 m² thuộc thửa 721 tờ bản đồ số 1 xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tại địa chỉ: A4/33 Ấp 1, xã L, huyện B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liền với đất số BB 073655 (số vào sổ cấp GCN CH 0152) do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 26/03/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1962, địa chỉ: A4/33 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đồng sở hữu và đại diện cho các đồng thừa kế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Công K), phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trong khối tài sản chung đối với bà Huỳnh Thị S cụ thể như sau:

Về quyền sử dụng đất: Bà Huỳnh Thị S được quyền sử dụng đất là 55,125 m² (tương đương 5/8 của diện tích đất 88,5 m²). Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng

X, bà Nguyễn Huỳnh Kim T, mỗi người được quyền sử dụng đất là 11,025 m² thuộc thửa đất số 721, tờ bản đồ số 1, địa chỉ xã L, huyện B;

Về quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ: A4/33 ấp 1, Nguyễn Thị H, Thành phố Hồ Chí Minh thửa đất số 721, tờ bản đồ số 1, địa chỉ xã L, huyện B:

Đối với phần diện tích nhà được công nhận với diện tích là 50,3 m², bà Huỳnh Thị S được công nhận quyền sở hữu là 31,4375 m² (tương đương 5/8 của diện tích nhà được công nhận là 50,3 m²). Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng X, bà Nguyễn Huỳnh Kim T, mỗi người được công nhận quyền sở hữu là 6,2875 m².

Đối với phần diện tích nhà được không được công nhận, bà Huỳnh Thị S được quyền sử dụng là 6,3125 m² (tương đương 5/8 của diện tích nhà không được công nhận là 10,1 m²). Ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng X, bà Nguyễn Huỳnh Kim T, mỗi người được quyền sử dụng là 1,2625 m².

2. Về chi phí tố tụng: nguyên đơn bà Đặng Thuỳ T tự nguyện chịu nên Toà án không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Đặng Thị Thuỳ T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006094 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Long Toàn